

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày 25/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thanh Bình

Ông Hà Văn Tý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân, Thư ký TAND thị xã Nghĩa Lộ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Bình A, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 05/8/1995 tại V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nơi ở: đường Ng, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Công L, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị Tuyết H, sinh năm 1968; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/5/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị Mến, bà Doãn Thị Thủy – Luật sư Công ty luật TNHH DTT Hà Thành. Địa chỉ: 88 Đê La Thành Nhỏ, phường Phương Liên, quận Đống Đa, TP Hà Nội. Vắng mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có đơn xin vắng mặt.

Anh Đồng Văn H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản Th, xã Ph, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Anh Ngô Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn A, xã Hn, thị xã Ngh, tỉnh Yên

Bái. Có đơn xin vắng mặt.

Bà Phạm Thị T, sinh năm 196. Địa chỉ: xã Ngh, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại Đồng Văn H1: Bà Nguyễn Việt Hà – Luật sư Công ty luật TNHH quốc tế Hà Nội. Địa chỉ: Phòng 609, số 1 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M. Người đại diện: Bà Vũ Thị Tuyết H2 - Giám đốc. Địa chỉ: phường Tr, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Tiên D, sinh năm 1992. Địa chỉ: phường T, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Chị Lò Thị H3, sinh năm 1991. Địa chỉ: phường Tr, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Anh Phạm Ngọc Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: phường Tr, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Anh Hà Văn P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản L, xã Ph, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Anh Ngô Tiên Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tô dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có đơn xin vắng mặt.

Anh Không Duy Kh, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

Anh Chu Minh Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ngh, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M, địa chỉ tại số nhà 24 đường Thanh Niên, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái do bà Vũ Thị Tuyết H2 làm giám đốc được đăng ký 39 ngành nghề kinh doanh trong đó có tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Trần Bình A là con gái bà H2 nhưng không phải là thành viên của công ty, do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên từ tháng 8/2022 A đã tự mạo danh mình là Phó giám đốc của công ty để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hộ dân có nhu cầu làm các thủ tục về cấp mới, sửa đổi, đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 8/2022, gia đình ông Đồng Văn A1 có khoảng 200m² đất vườn tạp tại Bản Thón, xã Phúc Sơn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã giao cho con trai là Đồng Văn H1 đứng ra làm thủ tục chuyển đổi thành đất thổ cư sau đó tách diện tích thành 02 thửa đất. Qua giới thiệu, A đến gặp H1 và nhận làm thủ tục giấy tờ chuyển đổi, tách diện tích đất cho H1 với tổng chi phí H1 trả cho

A là 140.000.000đồng, thời hạn làm khoảng 80 ngày, tin tưởng A làm được nên anh H1 đồng ý. Sau đó A về tự soạn thảo hợp đồng khoán việc số 02 ngày 26/8/2022 với danh nghĩa A là Phó giám đốc Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M nhận làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đồng Văn A1, sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đồng Văn A1 thì làm thủ tục tặng cho các con, thời hạn thực hiện công việc là 80 ngày. Sau khi ký hợp đồng anh H1 đã đưa cho A số tiền 50.000.000đồng vào ngày 26/8/2022, đến ngày 31/8/2022 A nhận tiếp 20.000.000đồng. Các lần nhận tiền A đều soạn phiếu thu ghi lý do nộp tiền là lệ phí, thuế, ứng 50% phí đi làm việc, ứng phí làm sổ bìa đỏ. Hợp đồng và phiếu thu A đều tự ý lấy dấu của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M đóng vào. Để tạo niềm tin cho anh H1, A đã nhờ cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Nghĩa Lộ đến đo đất nhưng sau đó không nộp hồ sơ mà dùng toàn bộ số tiền thu được chi tiêu vào mục đích cá nhân. Ngày 09/3/2023 anh H1 làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của A.

Lần thứ hai: Tháng 9/2022 gia đình anh Nguyễn Quốc H có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 220m² tại thôn An Sơn, xã Hạnh Sơn, sau đó làm thủ tục tặng cho con trai là Nguyễn Xuân Hậu. A biết được nên đã liên hệ với anh H nói dối có thể làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó làm thủ tục tặng cho. Ngày 30/9/2022 A đến nhà H thỏa thuận chi phí làm thủ tục là 50.000.000đồng, thời gian thực hiện trong năm 2022, tin tưởng A làm được nên anh H đã nhất trí ký Hợp đồng khoán việc số 06 ngày 30/9/2022 với nội dung công việc như đã thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng anh H đã đưa cho A tổng số tiền 50.000.000đồng trong các ngày 30/9/2022, ngày 07, 13 và 23/10/2022. Những lần nhận tiền A đều viết phiếu thu và lấy dấu của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M đóng lên phiếu thu và hợp đồng. Sau khi nhận tiền A không thực hiện việc làm như thỏa thuận mà chỉ nhờ đo đất tạo niềm tin cho anh H và chi tiêu hết số tiền nhận được vào mục đích cá nhân. Do không thấy A làm sổ đỏ nên tháng 3/2023 anh H đã tố cáo hành vi của A.

Lần thứ ba: Do diện tích đất thực tế đang sử dụng lớn hơn diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng anh Ngô Văn T chị Nguyễn Thị N muốn làm thủ tục điều chỉnh tăng diện tích đất từ 85m² lên 108m² cho phù hợp. Khoảng tháng 10/2022 qua giới thiệu của anh Nguyễn Quốc H anh T đã liên hệ với A nhờ làm thủ tục. Ngày 17/10/2022 A đến gặp anh chị T N và thống nhất thỏa thuận làm chi phí điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 25.000.000đồng thời gian là 02 tháng. Tin tưởng A làm được nên anh chị T N đã đưa cho A 15.000.000đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 610125. A viết phiếu thu tiền và đóng dấu của công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M lên phiếu thu cho anh chị T N. Sau khi nhận tiền A nhờ cán bộ văn phòng đất đai thị xã Nghĩa Lộ đo đất để tạo niềm tin nhưng không nộp hồ sơ điều chỉnh diện tích đất mà dùng toàn bộ số tiền nhận được chi tiêu cá nhân. Hết năm 2022 anh T chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nên đã liên hệ với A nhưng A nói dối hồ sơ đang ở văn phòng đăng ký đất đai thị xã Nghĩa Lộ. Anh T N đã trực tiếp đến văn phòng đăng ký đất đai hỏi được biết A chưa nộp hồ sơ thủ tục gì cả, do đó anh chị đã làm đơn tố cáo hành vi của A.

Lần thứ tư: Ngày 19/10/2022 bà Phạm Thị T đến Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M để nhờ tư vấn làm thủ tục đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình do bà phát hiện diện tích 633,9 m² gồm cả đất ở lâu dài và đất vườn bị cấp chồng lấn với hộ gia đình khác. A nói dối sẽ làm được, hứa sẽ giúp và mang đến nhà bà 01 hợp đồng khoán việc với nội dung, A có trách nhiệm giúp bà T chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích đất vườn sang đất ở; tách thửa đất trên thành 03 thửa đất mới; thời gian hoàn thành công việc là 04 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, chi phí bà T phải trả cho A là 200.000.000 đồng. Tin tưởng A là Phó giám đốc và làm được nên bà T đã giao cho A 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng số V735536 mang tên Phạm Thị T và 60.000.000 đồng, A viết phiếu thu tiền và đóng dấu của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M lên phiếu thu và hợp đồng. Sau khi nhận được tiền, Trần Bình A đã không thực hiện các nội dung như đã thỏa thuận, chi tiêu vào các nhu cầu cá nhân hết số nêu trên. Bà T nhiều lần điện thoại, tìm gặp A yêu cầu thực hiện công việc nhưng A chỉ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cầm của bà T trước đó mà không trả lại tiền. Tháng 3/2023 bà T đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của A.

Quá trình điều tra Trần Bình A thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 195.000.000 đồng bị cáo đã chi tiêu cá nhân. Sau khi bị tố cáo bị cáo đã tác động đến gia đình trả lại cho anh Đồng Văn H1, Nguyễn Quốc H, anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 10.000.000đ.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn nhận được đơn tố cáo của anh Triệu Văn Tr yêu cầu A phải thanh toán số tiền 80.000.000 đồng tiền nhờ mua xe trả góp, 10.000.000 đồng tiền trách nhiệm nộp vào Hợp tác xã M và 50.000.000 đồng tiền vay công ty tài chính FE hộ A. Đơn của chị Bạch Thị H yêu cầu A phải thanh toán số tiền 22.000.000 đồng và lãi phát sinh do A nhờ vay hộ của Công ty tài chính Home Credit. Cơ quan điều tra đã chứng minh được anh Tr sau khi nộp tiền mua xe đã không tiếp tục đóng tiền nên không mua được và được trả lại tiền, không tiếp tục làm tại HTX MƯỜNG LÒ nên vi phạm bị mất tiền trách nhiệm theo quy định. Đối với khoản nhờ vay hộ A đã thanh toán một phần tiền sau đó do khó khăn nên chưa thanh toán hết và không có mục đích chiếm đoạt số tiền nhờ vay. Chị Bạch Thị H và anh Tr đều thừa nhận tự nguyện vay hộ A nên cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu phạm tội.

Cáo trạng số: 47/CT-VKS-NL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đã truy tố Trần Bình A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra bổ sung gia đình bị cáo đã thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền 10.000.000 đồng. Thu thập chiếc điện thoại di động Nokia của bị cáo nhưng không có thông tin gì liên quan đến hành vi phạm tội; xác định bị cáo không dùng tiền đã chiếm đoạt được của các bị hại để chi phí các hoạt động đo đạc đất đai, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại văn bản số 22/CV-VKS ngày 04/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, đã phân tích tính chất mức độ nguy hiểm

của hành vi phạm tội. Giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường xong toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về vật chứng, tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTT Hình sự, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nokia.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại (Đông Văn H1) có quan điểm: Nhất trí về tội danh và điều luật đã truy tố đối với bị cáo. Xác định vụ án truy tố còn bỏ lọt tội phạm vì gia đình anh H1 bị chiếm đoạt không chỉ 70 triệu đồng mà còn bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 84m² đất ở. Đề nghị HĐXX xem xét đến hành vi bị cáo câu kết với Đinh Văn Th lợi dụng sự ít hiểu biết, lừa dối và gây nhầm lẫn cho gia đình anh H1 để biến thửa đất thành của vợ chồng anh Th mà thực tế không tồn tại bất kỳ giao dịch chuyển nhượng, tặng cho nào giữa gia đình anh H1 với ai đối với thửa đất 84m². Đề nghị xem xét hành vi chiếm đoạt 84m² đất của bị cáo và anh Th theo hướng trả lại cho gia đình bị hại H1 diện tích đất 84m².

Kiểm sát viên tranh luận: Xác định bị cáo A và Đinh Văn Th không có sự thông đồng và cấu kết với nhau để lừa bị hại H1. H1 thừa nhận đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Th trước khi gặp bị cáo (BL 110-111) và các chữ ký, điểm chỉ trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Th là của H1 và những người trong gia đình (BL 323-325). Th chỉ giới thiệu bị cáo cho H1 để mọi người tự trao đổi, việc H1 và bị cáo trao đổi thỏa thuận như thế nào Th không biết và cũng không hưởng lợi gì từ bị cáo. Việc gia đình H1 bán 84m² đất cho Th thì bị cáo A không liên quan, không biết mục đích của Th là gì, chỉ biết Th có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất nên A chỉ thực hiện việc giới thiệu Th cho văn phòng công chứng để làm thủ tục sang tên, còn sau đó Th tự thực hiện, A cũng không nhận khoản tiền nào từ Th nên Th không liên quan, không đồng phạm với bị cáo. Bị hại H1 đã nhận lại toàn bộ số tiền 70.000.000đ bị chiếm đoạt, nếu cho rằng Th có hành vi lừa đảo thì anh H1 có thể làm đơn tố giác tội phạm đề nghị cơ quan điều tra xác minh làm rõ hành vi của Th để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đúng như Cáo trạng đã truy tố, sau tranh luận nhất trí với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo không thừa nhận việc có liên quan đến giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình anh H1 và Đinh Văn Th, bị cáo không biết hai bên đã lập hợp đồng từ trước, không được hưởng lợi gì với Th nên phản đối với bản bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại H1.

Lời nói sau cùng bị cáo đã nhận ra hành vi của mình là sai nên xin lỗi các bị hại, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Những người vắng mặt tại phiên tòa đã được HĐXX công bố lời khai trong

hồ sơ, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thị xã Nghĩa Lộ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, tuy nhiên chưa làm thủ tục thông báo, giải thích đối với người được quyền trợ giúp pháp lý (bị hại Đồng Văn H1) là còn thiếu sót, tuy nhiên bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt. Quá trình xét xử đã có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại nên được khắc phục vì vậy quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại đã được đảm bảo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi liên quan đến vụ án. Phù hợp với lời khai trước đó của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở chứng minh được, với mục đích có tiền chi tiêu cho cá nhân nên bị cáo Trần Bình A đã tự mạo danh là Phó giám đốc của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M đưa ra thông tin gian dối là có thể làm được các thủ tục cấp mới, sửa đổi, đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ làm cho người khác tin là thật. Bằng thủ đoạn gian dối trên từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022 Trần Bình A đã 04 lần chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Bị cáo đưa ra thông tin có thể làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó làm thủ tục tặng cho đối với diện tích đất 200m² để anh Đồng Văn H1 tin tưởng và ký hợp đồng khoán việc số 02/HĐKV-PSNL ngày 26/8/2022 với A với số tiền là 70.000.000đồng. Bị cáo nhận số tiền trên vào ngày 26 và 31/8/2022 sau đó đã không thực hiện đúng công việc và chi tiêu cá nhân hết số tiền đã nhận.

Lần thứ hai: Bị cáo nói dối có thể làm được thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 220m² sau đó làm thủ tục tặng cho nên anh Nguyễn Quốc H tin tưởng và ký với bị cáo hợp đồng khoán việc số 06/HĐKV-PSNL ngày 30/9/2022 với số tiền là 50.000.000đồng. Bị cáo đã nhận số tiền của anh H vào ngày 30/9 và các ngày 07, 13, 23/10/2022 sau đó không thực hiện công việc mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên vào mục đích cá nhân.

Lần thứ ba: Bị cáo nói dối có thể làm được thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 85m² lên 108m² nên anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N tin tưởng đưa cho bị cáo chi phí làm với số tiền là 15.000.000đồng vào ngày 17/10/2022.

Sau khi nhận tiền bị cáo không thực hiện làm thủ tục nộp hồ sơ mà chiếm đoạt toàn bộ số tài sản trên.

Lần thứ tư: Bị cáo nói dối có thể làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau đó tách thành 03 thửa đất đối với diện tích 633, m² đất cho bà Phạm Thị T tin tưởng sau đó ký hợp đồng khoán việc số 12/HĐKV-NLNL ngày 19/10/2022 đóng dấu của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M nhận của bà T số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó A không thực hiện công việc mà chiếm đoạt toàn bộ số tài sản của bà T.

Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại Đồng Văn H1, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị N Ngô Văn T và Phạm Thị T là 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*) bị cáo đều tự viết phiếu thu lấy dấu của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M đóng vào để tạo niềm tin cho các bị hại. Bị cáo A đã dùng thủ đoạn gian dối mạo danh Phó giám đốc Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M được cấp phép kinh doanh có ngành nghề tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và lợi dụng việc các bị hại mong muốn làm được thủ tục đăng ký, chuyển đổi, tách diện tích đất nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để bị hại tin và ký kết các hợp đồng, sau đó bị cáo nhờ người đo đất nhằm mục đích cho các bị hại tin tưởng hơn để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản của mình.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, quyền được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M, gây mất ổn định an ninh của địa phương. Bị cáo là người thành niên, có học thức, đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, biết được việc lừa dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị xử phạt nhưng chỉ vì nhu cầu tiêu sài của cá nhân vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự. Với trị giá tài sản chiếm đoạt là 195.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đã truy tố bị cáo.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo 4 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi vi phạm của mình, ngoài ra bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được xác định là người có nhân thân tốt.

[4] Đối chiếu với những quy định của pháp luật hình sự, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng tội phạm bị cáo phạm phải là tội rất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù phù hợp với tính chất nguy hiểm của tội phạm. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại trại giam để răn đe giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời góp phần phòng ngừa tội phạm.

Theo quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị xử phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo là người không có tài sản, vì vậy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 610125 của hộ gia đình anh Ngô Văn T và Nguyễn Thị N và số V 735536 của bà Phạm Thị T bị cáo đã trả lại cho chủ sử dụng nên không đề cập xử lý.

01 điện thoại di động màu xanh, bàn phím, mặt trước có chữ Nokia thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần được trả lại cho bị cáo.

[7] Trong vụ án này bà Vũ Thị Tuyết H2 là Giám đốc của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch M không biết được A đã tự ý lấy con dấu của Công ty để đóng vào các Hợp đồng khoán việc và phiếu thu tiền. Bà H2 và công ty không nhận được khoản tiền nào từ hợp đồng, do đó bà H2 không phạm tội.

Anh Nguyễn Tiến D và chị Lò Thị H3 là người bị cáo nhờ đo đất để tạo niềm tin cho các bị hại tuy nhiên anh D, chị H3 không hưởng lợi gì, việc bị cáo khai đưa 05 triệu đồng cho anh D nhưng không có chứng cứ nào chứng minh, không có người làm chứng, anh D không thừa nhận nên không có căn cứ. Anh Phạm Ngọc Tr nhận số tiền 12 triệu đồng từ bà H2 (mẹ đẻ bị cáo) để làm thủ tục chuyển nhượng đất của bà Hoàng Thị Th với chị Vũ Thị Hồng Ph nên không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này (bà Th, chị Ph và bị cáo cùng thừa nhận không liên quan).

Đối với hành vi bị cáo nhờ Bạch Thị H và Triệu Văn Tr vay hộ tiền, bị cáo không có mục đích lừa đảo chiếm đoạt số tiền vay nên cơ quan điều tra đã kết luận không phạm tội là phù hợp với quy định.

[8] Lời bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại (H1) xác định bị cáo và Đinh Văn Th đồng phạm trong việc chiếm đoạt 84m² đất ở của gia đình anh H1 là chưa phù hợp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai không biết sự việc gia đình anh H1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 84m² đất cho anh Th. Anh H1 bị chiếm đoạt số tiền để làm thủ tục chuyển đổi từ đất vườn tạp sang đất ở sau đó tách thành 2 thửa đối với diện tích đất 200m² chứ không phải 84m² đất ở. Các lời khai của H1, Th đều thừa nhận từ năm 2018 gia đình H1 đã bán cho Th 60m² đất trong diện tích 84m² sau đó Th đã làm nhà và sinh sống từ 2019. Ngoài ra Th còn mua thêm phần đất mà gia đình H1 đã bán cho ông Xôm nhưng đều chưa sang tên. Ông A1 (bố H1) và Th thống nhất khi nào trả hết tiền nợ Ngân hàng thì đưa sổ đỏ cho Th để làm thủ tục sang tên. Ngoài ra hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất giữa gia đình anh H1 và vợ chồng anh Th được ký ngày 25/8/2022 là trước ngày bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt (ngày 26/8/2022), các thành viên trong gia đình anh H1 tham gia ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều có năng lực hành vi dân sự tự nguyện tham gia ký kết, không bị ép buộc gì nên hoàn toàn biết được nội dung của hợp đồng. Trường hợp anh H1 xác định thủ tục chuyển nhượng có vi phạm thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm.

Kết luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Bình A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Bình A 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/5/2023.

2. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động màu xanh, bàn phím, mặt trước có chữ Nokia.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ ngày 05/01/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghĩa Lộ và cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Bình A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Nhà tạm giữ CA TX Nghĩa Lộ;
- Công an TX Nghĩa Lộ;
- CCTHA TX Nghĩa Lộ;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND P B, Lào Cai (TB);
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; người bảo vệ QLIHP cho bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, THAHS.

Lê Thị Hồng Hạnh